

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25 – 12 – 2020  
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Ông Phạm Sơn Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020. Về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 122, tổ 26, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Trang Thúy P, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 122, tổ 26, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đ và chị Trang Thúy P tự tìm hiểu, quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Kể từ khi anh Đ và chị P chung sống nhau hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì xảy ra mâu

thuần và không còn chung sống từ tháng 11/2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi thường xuyên.

Nay, anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung được và anh Đ yêu cầu ly hôn với chị P.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trang Thúy N, sinh ngày 09/5/1997 đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Bị đơn chị Trang Thúy P trình bày: Thống nhất với lời trình bày trên của anh Đ về quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 11/2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay anh Đ xin ly hôn, chị P đồng ý ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị P và anh Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trang Thúy N, sinh ngày 09/5/1997 đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có

Anh Đ và chị P chung sống như vợ chồng, do anh Đ và chị P không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị Trang Thúy P vẫn giữ nguyên ý kiến.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên*:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của đương sự*: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, anh Đ và chị P chung sống nhau như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh Đ và chị P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trang Thúy N, sinh ngày 09/5/1997 đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Anh Đ và chị P đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Đ được chấp nhận, anh Đ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trang Thúy P, chị P có nơi cư trú tại số 122, tổ 26, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến tháng 11/2017, anh Đ và chị P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Theo Công văn số 86/UBND-TP ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc trả lời Công văn số 307/TA ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Cho kết quả qua tra cứu sổ hộ tịch đang lưu trữ tại địa phương từ tháng 12/2009 đến nay không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Đ và bà P.

Theo xác nhận ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc trả lời Công văn số 762/TA ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Cho kết quả qua tra cứu tàng thư tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Từ năm 1990 đến ngày 30/11/2009, thì không tìm thấy tên ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1964 và bà Trang Thúy P, sinh năm 1963 trong sổ lưu đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống*

*với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”.*

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét, không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trang Thúy N, sinh ngày 09/5/1997 đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P.

2. *Về nuôi con chung:* Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trang Thúy N, sinh ngày 09/5/1997 đã trưởng thành.

3. *Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trang Thúy P đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Văn Đ chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006419, ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Anh Đ đã nộp đủ án phí, chị P không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Hữu Dãm**